TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HS-PT
Ngày 27-05-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Nhậm

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán.

Ông Trần Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 58/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 05 năm 2021, do có kháng cáo của các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T và kháng cáo của bị hại Trương Hoài B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo và liên quan đến kháng cáo:

1. Lê Tấn P (N), sinh năm 1991 tại Long An; Nơi cư trú: Ấp R, xã M, huyện D, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Lê Thị N, sinh năm 1958; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị P, sinh năm 2000, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 06-12-2019 đến ngày 14-01-2020 cho tại ngoại đến nay. (Có mặt)

2. Đào Thanh T, sinh năm 1988 tại Long An; Nơi cư trú: Ấp R, xã M, huyện D, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Hồng S, sinh năm 1968 và bà Mai Thị L, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ tên Lê Thu T, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn sinh năm 2009 nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 06-12-2019 đến ngày 21-01-2020 cho tại ngoại đến nay. (Có mặt)

Người bào chữa B vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo yêu cầu của các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T: Luật sư Bùi Trường C; Luật sư văn phòng luật sư T Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại kháng cáo:*

Anh Trương Hoài B, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:*

- *Bị cáo:*

1. Nguyễn Đại H, sinh năm 1998 tại Long An; Nơi cư trú: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

2. Võ Văn D (C), sinh năm 1998 tại Long An; Nơi cư trú: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

3.Nguyễn Thành D1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Bị hại:* Anh Huỳnh Việt T, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp Bình Hữu 1, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An .

2. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Bà Mai Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

5. Ông Võ Văn L1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

6. Anh Nguyễn Anh T1 (D) sinh năm 2002

Địa chỉ; Ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

7. Anh Võ Hữu N2 (Bé) sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp Nhơn Hòa 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng*:

1. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978;

2. Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm 1973;

3. Anh Mai Văn H2, sinh năm 1987;

4. Anh Trương Văn K, sinh năm 1989;

5. Anh Nguyễn Quốc T3, sinh năm 1996;

6. Anh Thi Văn M, sinh năm 1986;

7. Anh Nguyễn Tùng D2 (P), sinh năm 1990;

8. Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1973;

9. Chị Lê Thị T4, sinh năm 1983.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5-2019, Nguyễn Đại H có mượn của anh Trương Hoài B số tiền 15.000.000 đồng. H đã trả lại cho B 3.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng H thỏa thuận thống nhất với anh B mỗi tháng H sẽ trả từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Sau đó, H không trả tiền và né tránh gặp anh B nên ngày 02-8-2019 anh B gọi điện thoại kêu H trả tiền, H hẹn ngày 03-8-2019 sẽ gặp anh B trả tiền.

Khoảng 17 giờ ngày 03/8/2019, H gọi điện thoại kêu anh B đến quán cà phê không biển hiệu của ông Mai Thanh H2, tại ấp R, xã M, huyện D, tỉnh Long An để gặp H lấy tiền, anh B đồng ý. Anh B rủ các người sau: Huỳnh Việt T; Võ Hữu N2; Nguyễn Anh T1, cùng đi gặp H để lấy tiền, T, N2, Tuấn đồng ý. Sau đó, T chở anh B bằng xe mô biển số 62P1-541.81 của T, Tuấn chở N2 bằng xe mô tô biển số 54Y6 - 4164 của anh B đến quán cà phê của ông H2 gặp H. Do sợ bị anh B đánh nên H gọi điện thoại rủ Đào Thanh T, Nguyễn Thành D1, Võ Văn D, Lê Tấn P, cùng đi gặp ông B, tất cả đồng ý. H kêu D chở H về nhà lấy 03 con dao tự chế bằng kim loại đem đến quán ông H2. Tại đây, H nói với T, D1, D, P nếu khi H trả tiền cho B mà bị B đánh thì sử dụng 03 con dao tự chế đem theo để đánh trả lại B và những người đi chung với B, tất cả đồng ý. H, T, D1, D và P ngồi tại quán của ông H2 đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì B, T, N2, Tuấn đến quán. H đi ra cặp lộ nhựa trước quán của ông H2 gặp và đưa cho anh B 3.000.000 đồng, khi lấy tiền xong giữa anh B và H phát sinh cự cãi nhau, B dùng tay đánh trúng vùng mặt của H 01 cái gây thương tích nhẹ. H chạy đến nơi để 03 con tự chế bằng kim loại lấy cầm trên tay 01 con dao dài khoảng 60cm, đưa cho D 01 con dao dài khoảng 60cm, đưa cho P 01 con dao dài khoảng 40cm, D1 lấy 01 đoạn cây tầm vông dài khoảng 60cm ở trước cửa quán ông H2, tất cả cùng xông vào đánh anh B và T, N2, Tuấn. Anh B bỏ chạy bộ về hướng cống Gò Mối, xã D Lập Hạ, huyện D Hòa, tỉnh Long An và bị T, D1, D, P đuổi theo để đánh. T, N2 và Tuấn bỏ chạy bộ về hướng ngã ba Mỹ Hạnh, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa và bị H đuổi theo để đánh. H cầm dao tự chế chém 02 cái vào người của T, trúng 01 cái vào

bàn tay trái của T gây thương tích, T bỏ chạy thoát nên H cầm dao tự chế quay lại quán của ông H2 gặp P. P điều khiển xe mô tô biển số 62T3-0384 chở H, T cầm gạch thẻ chạy bộ, D điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở D1, tất cả cùng đuổi theo anh B.

Khi đến nhà chị Nguyễn Thị T2, tại ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, H và P nhìn thấy D, D1 và T đang đuổi theo anh B chạy vào bên trong nhà chị T2 nên P, H cầm dao tự chế cùng đuổi theo anh B. Anh B chạy vào trong phòng ngủ nhà chị T2 bị D, D1 đuổi theo kịp, D chạy vào nơi B trốn, D1 chạy phía sau. Khi D1 đến thì chị T2 không cho D1 vào. Lúc này, thấy H, P, T vừa chạy tới phía trước cửa nhà chị T2, trên tay H, P cầm dao tự chế, T cầm 04 cục gạch nên D1 giật lấy 02 con dao tự chế của H và P và đoạn cây tầm vông đem cất giấu ở bên đường. Tại đây, H, P, T, D dùng tay đánh vào vùng lưng, đầu của anh B nhiều cái, T cầm 03 cục gạch thẻ đánh 02-03 cái trúng lưng, vai của anh B, H lấy 01 cục gạch thẻ trên tay T đánh 02-03 cái trúng vào vai, lưng của anh B. Lúc này chị T2 la không cho đánh B trong nhà chị T2, nên H, D, P, T lôi B ra cách phòng ngủ khoảng 02 mét rồi tiếp tục dùng tay, gạch đánh vào vai, lưng của B. Sau đó, H kêu D, P, T chở anh B về quán của ông H2. H, D, T nắm áo, tay kéo lê anh B ra đến lộ nhựa rồi ôm anh B đưa lên xe mô tô của P, ông B ngồi ở giữa, T ngồi phía sau dùng tay giữ cổ áo, tay và chân của anh B để P điều khiển xe chở về quán của ông H2 cách nhà chị T2 241,8 mét. Riêng D1 không tham gia và có hành vi can ngăn không cho H bắt B. Khi đến quán của ông H2 thì H, D, P và T tiếp tục dùng tay đánh nhiều cái vào người anh B thì được người dân can ngăn nên H, P, D, T, D1 bỏ đi về nhà. Anh B, anh T được đưa đi điều trị thương tích, sau đó có đơn yêu cầu xử lý hành vi của H, P, D, T, D1 theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 184/TgT.19-PY ngày 29/10/2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế Long An, tình hình thương tích của anh Trương Hoài B như sau: Gãy xương cánh mũi trái; xuất huyết liềm não, lều tiểu não đã điều trị không có di chứng thần kinh. Quyết định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của ông Trương Hoài B là 28%.

Tại công văn số 208/TTPY-GĐTT ngày 21/11/2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế Long An, về việc giải trình Pháp y đối với cơ chế hình thành vết thương của bị hại Trương Hoài B tại Bản kết luận giám định pháp y số 184/TgT.19-PY ngày 29/10/2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế Long An như sau: Thương tích của Trương Hoài B có khả năng do vật tày cứng gây ra; cơ chế hình thành vết thương khả năng do vật tày cứng tác động trực tiếp lên xương mũi trái.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 169/TgT.19-PY ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế Long An, tình hình thương tích của anh Huỳnh Việt T như sau: Mặt gan bàn tay trái có sẹo vết thương lành dọc theo nếp gấp đốt gần ngón 1, kích thước 5cm x 0,2cm và sẹo phẫu thuật ở vùng mô cái kích thước 03cm x 0,4cm sẹo sơ cứng, chức năng ngón 1 bàn tay trái hạn chế gấp duỗi mức độ nhiều; Phẫu thuật khâu lại gân đứt ngón cái dài. Quyết

định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của ông Huỳnh Việt T là 13%.

Tại công văn số 207/TTPY-GĐTT ngày 21/11/2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế Long An, về việc giải trình Pháp y đối với cơ chế hình thành vết thương của bị hại Huỳnh Việt T tại Bản kết luận giám định pháp y số 169/TgT.19-PY ngày 30/9/2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế Long An như sau: thương tích của Huỳnh Việt T do vật sắc bén tạo ra với bờ mép da sắc gọn và đứt gân gấp ngón cái dài với một lực đủ mạnh. Chiều hướng từ bên trái qua bên phải và kết hợp phản xạ cầm nắm của bàn tay trái.

Tại bản án số 23/2020/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa. Tuyên xử các bị cáo Nguyễn Đại H, Võ Văn D (C), Lê Tấn P (N), Đào Thanh T, Nguyễn Thành D1 về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm b, đ khoản 2 Điều 134 Bô luật hình sự.

Tại Quyết định kháng nghị số 37/QĐ-VKSLA ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Kháng nghị bản án số 23/2020/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Tại bản án số 73/HS-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; Tuyên xử: Hủy bản án số 23/2020/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 27/2021/HS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Lê Tấn P (N) phạm tội "Cố ý gây thương tích". Xử phạt bị cáo Lê Tấn P (N) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Lê Tấn P (N) phạm tội "Bắt người trái pháp luật". Xử phạt bị cáo Lê Tấn P (N) 09 (chín) tháng tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc bị cáo Lê Tấn P chịu hình phạt chung cho hai tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Đào Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích". Xử phạt bị cáo Đào Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Đào Thanh T phạm tội "Bắt người trái pháp luật". Xử phạt bị cáo Đào Thanh T 09 (chín) tháng tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo Đào Thanh T chịu hình phạt chung cho hai tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt của các bị cáo khác, về việc giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục; Tuyên về việc người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú; Tuyên về hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách; Tuyên về xử lý tang vật; Tuyên về trách nhiệm bồi thường dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 29 tháng 03 năm 2021, bị cáo Lê Tấn P và bị cáo Đào Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 30/03/2021, bị hại Trương Hoài B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P và bị cáo T tại phiên tòa P thẩm bị hai thay đổi yêu cầu kháng cáo xin miễm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo P và T. Các bị cáo khác không kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Tấn P và bị cáo Đào Thanh T xác định thừa nhận đã thực hiện hành vi và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" là đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo cho là không có ý thực hiện hành vi "Bắt người trái pháp luật" đối với bị hại B. Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của mình và không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác.

Bị hại Trương Hoài B: Trình bày sự việc các bị cáo đuổi đánh bị hại đến nhà của bà T2 cách nơi hẹn bị cáo H hơn 200m như án sơ thẩm xác định. Sau khi bà T2 đuổi các bị cáo ra các bị cáo có đánh bị hại đưa bị hại trở lại quán, Bị hại nhớ là có yêu cầu các bị cáo chở đi. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo có bồi thường thêm cho bị hại B 28.000.000 đồng tiền thuốc. Nay bị hại B có yêu cầu xem xét miễm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo P và T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án có nội dung:

Các bị cáo và bị hại kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm

Khoảng 17 giờ ngày 03 tháng 8 năm 2019, bị cáo Nguyễn Đại H hẹn gặp bị hại Trương Hoài B tại quán cà phê không biển hiệu của anh Mai Thanh H2 thuộc ấp R, xã M, huyện D, tỉnh Long An để trả tiền đã mượn trước đó nhưng chậm trả. Khi đến quán cà phê của anh H2, bị cáo H đi cùng với các bị cáo Võ Văn D, Lê Tấn P, Đào Thanh T, Nguyễn Thành D1 và mang theo nhiều hung khí sắt bén tự chế bằng kim loại. Phía bị hại B đi cùng với Huỳnh Việt T, Võ Hữu N2, Nguyễn Anh T1. Khi gặp nhau sau khi nhận tiền thì giữa bị cáo H và bị hại B phát sinh cự cãi qua lại và H bị bị hại B đánh một cái vào mặt. Bị cáo H hô la và lấy hung khí đưa cho các bị cáo D, P, T, D1 đuổi đánh chém nhóm của B. Các bị cáo đã thực hiện hành vi sử dụng gạch, tay chân đánh gây thương gây thương tích cho bị hại Trương Hoài B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 28%; H cầm dao tự chế chém gây thương tích cho bị hại Huỳnh Việt T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%.

Sau đó, bị cáo H kêu các bị cáo D, P, T chở anh B về quán của ông H2, thì các bị cáo H, D, T nắm áo, tay kéo lê anh B ra đến lộ nhựa rồi ôm anh B đưa lên xe mô tô của P, anh B ngồi ở giữa, T ngồi phía sau dùng tay giữ cổ áo, tay và chân

của anh B để P điều khiển xe chở về quán của ông H2 cách nhà chị T2 241,8 mét, tại đây H, D, P và T tiếp tục dùng tay đánh nhiều cái vào người anh B thì được người dân can ngăn. Riêng bị cáo D1 không tham gia bắt người trái pháp luật và có hành vi can ngăn không cho các bị cáo dùng hung khí đánh B.

Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Đại H, Võ Văn D (C), Lê Tấn P (N), Đào Thanh T, Nguyễn Thành D1 phù hợp với lời khai của các bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng có mặt tại hiện trường, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y của các bị hại, bảng giải trình pháp y, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh hiện trường và tang vật chứng thu giữ đã được thẩm tra xác minh công khai tại phiên tòa, từ đó có đủ căn cứ để kết luận, các bị cáo Nguyễn Đại H, Võ Văn D (C), Lê Tấn P (N), Đào Thanh T, Nguyễn Thành D1 phạm tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Nguyễn Đại H, Võ Văn D (C), Lê Tấn P (N), Đào Thanh T, phạm tội "Bắt người trái pháp luật", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Đại H là người đề xuất, rủ rê các bị cáo khác cùng đi gây thương tích cho các bị hại nhằm mục đích thỏa mãn thù hằn cá nhân và chính bị cáo là người trực tiếp gây thương tích cho các bị hại, đồng thời bị cáo là người trực tiếp kêu các bị cáo D, P, T bắt bị hại B chở từ nhà chị T2 về quán anh H2 đoạn đường khoảng 241,8m để tiếp tục đánh bị hại. Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội thì bị cáo đã yêu cầu gia đình tự nguyện thỏa thuận với các bị hại bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự, các bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình và hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bà nội là bà mẹ việt nam anh hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên khi áp dụng hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

Đối với các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T là đồng phạm với bị cáo Nguyễn Đại H vai trò người thực hành, sau khi nghe bị cáo H rủ đi gây thương tích cho các bị hại và bắt bị hại B chở đi, các bị cáo lẽ ra phải ngăn cản nhưng ngược lại các bị cáo lại đồng tình và tham gia thực hiện hành vi một cách tích cực, các bị cáo đã đi gây thương tích cho các bị hại và bắt bị hại B chở đi một đoạn đường 241,8 mét để gây thương tích tiếp cho bị hại B.

Các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội thì bị cáo đã yêu cầu gia đình tự nguyện thỏa thuận với các bị hại bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự, bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo, các bị cáo là lao động chính trong gia đình và hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên khi áp dụng hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần. Riêng các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T không thừa nhận hành vi Bắt người trái pháp luật. Tuy

nhiên qua xét hỏi công khai tại phiên tòa, đối chiếu các biên bản hỏi cung, bản tự khai của các bị cáo, lời khai người làm chứng và hình ảnh trích xuất hình ảnh từ Camera, biên bản xác định hình ảnh, biên bản phiên Tòa sơ thẩm có căn cứ xác định các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T thực đã hiện hành vi bắt người trái pháp luật, nên bị cáo P, bị cáo T không được hưởng tình tiết tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tuyên phạt mức hình phạt như đã nêu ở phần trên.

Ngày 29/3/2021 Lê Tấn P, Đào Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/3/2021 bị hại anh Trương Hoài B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Việc nợ nần tiền bạc là giữa bị hại B và bị cáo H, nhưng khi nhận được yêu cầu của bị cáo H các bị cáo đã đi theo và biết rõ H có đem theo hung khí, khi nào bị cáo H hô la thì lấy sử dụng đánh B, các bị cáo đã thực hiện đúng yêu cầu của H gây thương tích cho B và người đi cùng B là Huỳnh Việt T nên các bị cáo là đồng phạm với tội danh cố ý gây thương tích với vai trò là người thực hành. Khi bị đánh, chém bị hại B, T đã bỏ chạy nhưng các bị cáo lại truy đuổi với đoạn đường dài. Trong đó các bị cáo truy đuổi bị hại B với đoạn đường dài hơn 240m với hung khí là mã tấu, gạch, cây ùa vào nhà chị Nguyễn Thị T2 nơi B trốn. Tại đây do bị cáo D1 giật lấy mã tấu nên các bị cáo H, P, T, D dùng gạch tấn công B, khi chị T2 can ngăn đuổi ra khỏi nhà thì các bị cáo theo lời của bị cáo H lôi, kéo bắt ép B lên xe đem về quán của anh Mai Thanh H2 đánh B tiếp, khi bị can ngăn thì các bị cáo bỏ đi hành vi này đã phạm vào tội danh bắt người trái pháp luật. Giữa các bị cáo và bị hại hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng lại dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho B, T, cho thấy các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, gây thương tích cho nhiều người, mỗi người từ 11% đến 30%.

Như vậy các bị cáo phạm hai tội liên tiếp trong cùng một thời điểm. Trong quá trình xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T không thừa nhận hành vi Bắt người trái pháp luật. Tuy nhiên qua xét hỏi công khai tại phiên tòa, đối chiếu các biên bản hỏi cung, bản tự khai, lời khai người làm chứng và hình ảnh trích xuất hình ảnh từ Camera, biên bản xác định hình ảnh, biên bản phiên Tòa, có căn cứ xác định các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T đã thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật. Nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 cho tội danh bắt người trái pháp luật. Trong kháng cáo các bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của hai bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại Trương Hoài B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo và cho rằng sau khi bị đánh tại nhà chị Nguyễn Thị T2, bị chị T2 đuổi ra ngoài B nhận ra P là bà con nên kêu P, T chở về quán anh H2 lấy xe đi về. Song các lời khai của bị hại B trong quá trình điều tra, lẫn nhiều lần xét xử trước đó bị hại B không có đưa ra tình tiết này, vẫn cho rằng các bị cáo lôi kéo lên xe từ nhà chị T2 đến quán anh H2 sau đó còn bị đánh khi bị người dân ngăn cản nên tất cả bỏ về nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị hại B.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T, bị hại Trương Hoài B giữ y Bản án sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Luật sư bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích cho các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T phát biểu bào chữa có nội dung:

Về tội danh: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và việc xét hỏi, thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa P thẩm Luật sư thống nhất các tội các bị cáo phạm tội như án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo T và P.

Về động cơ ý thức thực hiện hành vi đánh bị hại B và bắt bị hại B đều theo yêu cầu của bị cáo H các bị cáo không có chủ động chuẩn bị hung khí, các bị cáo thực hiện hành vi không tích cực, quyết liệt. Có phần lỗi của bị hại B đánh bị cáo H trước nên bị cáo H yêu cầu các bị cáo đánh lại bị hại B.

Về nhân thân các bị cáo T và P có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà án sơ thẩm đã áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử các bị cáo có tự nguyện thỏa thuận bồi thường them tiền thuốc tri bệnh cho bị hại B 28.000.000 đồng. Luật sư cho là hành vi của các bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội các bị cáo phạm tội có tính đồng phạm giản đơn. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T và P. Đồng thời xét cho các bị cáo Được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T và bị hại Trương Hoài B kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 Bộ luật Tố tụng hình sự và trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về lý lịch bị cáo: Lê Tấn P ghi trong án sơ thẩm bị cáo có vợ là Đoàn Thị D1ng Nhi sinh năm 1996 nhưng tại phiên tòa P thẩm bị cáo xác định là bị cáo và chị Nhi chỉ quen biết sống chung không có đăng ký kết hôn sau đó không còn sống chung bị cáo đã đăng ký kết hôn vớ chị Nguyễn Thị Phượng theo giấy đăng ký kết hôn số: 05/TLKH-SB ngày 12/01/2022 tại UBND xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Nên bản án P thẩm có điều chỉ phần lý lịch nhân thân bị cáo P có vợ là Nguyễn Thị Phượng cho phù hợp.

[3] Về nội dung, qua xem xét thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc không kiềm chế được

bản thân do giữa bị cáo Nguyễn Đại H và bị hại Trương Hoài B có xảy ra mâu thuẫn từ việc vay mượn tiền với nhau nên vào khoảng 17 giờ ngày 03 tháng 8 năm 2019, bị cáo H hẹn gặp bị hại B tại quán cà phê không biển hiệu của anh Mai Thanh H2 thuộc ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để trả tiền. Khi đến quán cà phê của anh H2, bị cáo H đi cùng với các bị cáo Võ Văn D, Lê Tấn P, Đào Thanh T, Nguyễn Thành D1, bị cáo H có nói với các bị cáo D, D1, T và P nếu phía B có đánh bị cáo H thì các bị cáo cùng vào đánh lại phía B. Còn bị hại B đi cùng với Huỳnh Việt T, Võ Hữu N2, Nguyễn Anh T1. Khi gặp nhau, giữa bị cáo H và bị hại B phát sinh cự cãi qua lại và bị cáo H bị B đánh. Từ đó bị cáo H đưa dao cho các bị cáo và bị cáo H cùng với các bị cáo D, P, T, D1 đã thực hiện hành vi sử dụng dao tự chế bằng kim loại, gạch, tay chân, chém và đánh gây thương gây thương tích cho bị hại B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 28%; gây thương tích cho bị hại Huỳnh Việt T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%. Sau đó, bị cáo H kêu các bị cáo D, P, T chở anh B về quán của ông H2, thì các bị cáo H, D, T, P nắm áo, tay kéo lê anh B ra đến lộ nhựa rồi ôm anh B đưa lên xe mô tô của bị cáo P, anh B ngồi ở giữa, bị cáo T ngồi phía sau dùng tay giữ cổ áo, tay và chân của anh B để bị cáo P điều khiển xe chở về quán của ông H2 cách nhà chị T2 241,8 mét.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo P và bị cáo T thừa nhận hành vi đồng phạm gây thương tích cho các bị hại như án sơ thẩm đã xét xử. Về hành vi đồng phạm trong tội "Bắt người trái pháp luật" đối với bị hại Trương Hoài B bị cáo P và bị cáo T cho là ý thức của bị cáo là chỉ chở bị hại về quán theo yêu cầu của bị hại B không có ý bắt bị hại B. Qua xem xét thẩm tra hồ sơ vụ án tại phiên tòa P thẩm Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra xét xử sơ thẩm lần 1 các bị cáo H, D1, D (C), T và P (N) điều khai nhận: Sau khi bà T2 không cho các bị cáo đánh bị hại B trong nhà bà T2 các bị cáo tiếp tục lôi bị hại B ra và bị cáo H yêu cầu đưa bị hại B về quán ông H2 các bị cáo đều đồng ý. Các bị cáo đều khai nhận là các bị cáo H, D, T và P lôi bị hại B ra lộ, bị cáo P ra lấy xe mô tô quay xe của bị cáo lại, các bị cáo H, D, T kéo bị hại lên xe bị cáo P, bị cáo T ngồi phía sau bị hại B dùng tay kiềm tay chân của bị hại B để bị cáo P chở về quán ông H2 nhằm mục đích tiếp tục đánh bị hại B và tại quán ông H2 các bị cáo H, D, T tiếp tục đánh bị hại B khi có nhiều người can ngăn bị hại B bỏ chạy sang nhà người khác các bị cáo mới bỏ đi. (Thể hiện tại các bản cung của bị cáo H có bút lục từ 163 đến 165; Bị cáo D bút lục từ 180 đến 188; Bị cáo D1 có bút lục từ 233 đến 239; Bị cáo T có bút lục từ 217 đến 225; Bị cáo P có bút lục từ 199 đến 208 lời khai của bà Nguyễn Ánh T2 có bút lục từ 273 đến 276 và lời khai của bị hại Trương Hoài B có bút lục từ 241 đến 248) và kết quả thực nghiệm điều tra hành vi gây thương tích của các bị cáo trước khi xét xử sơ thẩm lần 1. Sau khi bản án sơ thẩm lần 1 bị án phúc thẩm hủy theo kháng nghị của Viên trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An để điều tra lại vụ án về hành vi bắt giữ người trái pháp luật. Các bị cáo vẫn khai nhận hành vi bắt bị hại B đưa về quán anh H2 như nội dung các lời khai trước đó (Thể hiện tại các bản tự khai và bản cung của bị cáo H có bút lục từ 562 đến 574; Bị cáo D bút lục từ 578 đến 589; Bị cáo D1 có bút lục từ 620 đến 626; Bị cáo T có bút lục từ 605 đến 615; Bị cáo P có bút lục từ 590 đến 604, các bản hỏi cung của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Đức Hòa đối với các bị cáo có bút lục từ 672 đến 686 và lời khai của bị hại Trương Hoài B có bút lục từ 556 đến 559). Trong quá trình điều tra lại vụ án cơ quan Điều tra đã thực nghiệm điều tra vụ án thể hiện hành vi của các bị cáo trong việc thực hiện hành vi bắt người đối với bị hại B phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại B và bà T2. Đến tại phiên Tòa sơ thẩm lần 2 và tại phiên tòa P thẩm bị cáo P và bị cáo T và bị hại B cho là bị hại B có nhờ các bị cáo chở về quán anh H2 chứ không có ý định bắt giữ bị hại B nhưng không có chứng cứ nào chứng minh tình tiết này. Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm xác định các bị cáo P và T có hành vi đồng phạm tội "Cố ý gây thương tích" và "Bắt giữ người trái pháp luật" với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[4] Xét thấy, Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo Nguyễn Đại H, Võ Văn D (C), Lê Tấn P (N), Đào Thanh T, Nguyễn Thành D1 gây ra là nguy hiểm. Hành vi này không những đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của các bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi của bị cáo là sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của các bị hại và thấy trước hậu quả của hành vi đó nhưng các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp dẫn đến hậu quả xảy ra. Án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích" và "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai. Án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T mỗi bị cáo 3 năm 6 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 9 tháng tù về tội " Bắt người trái pháp luật" các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại kháng cáo xin miễm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T và P.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

[5.1]Bị hại Trương Hoài B có yêu cầu kháng cáo xin miễm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T và P; Xét thấy trường hợp các bị cáo phạm 2 tội cùng lúc trong đó có tội bị truy tố theo quy định tại khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do cố ý nên không đủ điều kiện xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin miễm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo của bị hại.

[5.2] Về yêu cầu xin giảm hình phạt của các bị cáo: Khi xét xử, án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T các tình tiết giảm nhẹ như: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội thì bị cáo đã yêu cầu gia đình tự nguyện thỏa thuận với các bị hại bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự, các bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo và bị hại T, bị hại B xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, trong vụ án này có lỗi một phần của bị hại B, đồng thời các bị cáo là lao động chính trong gia đình và hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử dưới khung hình phạt. Xử phạt bị cáo Lê Tấn P (N) và bị cáo Đào Thanh T mỗi bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây

thương tích" theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và áp dung điểm b khoản 1 khoảng 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P và bị cáo Đào Thanh Tủng mỗi bị cáo 09 tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự. là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo T, P xin giảm nhẹ hình phạt có cung cấp tình tiết các bị cáo bồi thường thêm tiền thuốc điều trị cho bị hại B theo thỏa thuận sau khi xét xử sơ thẩm, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự án sơ thẩm đã áp dung. Tuy nhiên, việc thỏa thuận bồi thường tiếp của các bị cáo đối với bị hại cũng thể hiện trách nhiệm của các bị cáo đối với thiệt hại do mình gây ra đối với bị hại nên cần xem xét tình tiết này chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo xét giảm thêm 1 phần hình phạt đối với các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" là có căn cứ. Đối với tội "Bắt người trái pháp luật", các bị cáo chưa thành khẩn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt cho các bị cáo.

[6] Từ các nhận xét trên Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng điểm a khoản 1, Điều 335 Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trương Hoài B. Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T; Sửa hình phạt của bản án sơ thẩm giảm 1 phần hình phạt cho các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T đối với tội "Cố ý gây thương tích".

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận. Bị hại Trương Hoài B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự của bị hại Trương Hoài B đối các bị cáo Lê Tấn P và Đào Thanh T theo Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T; Sửa hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Tuyên bố các bị cáo Lê Tấn P (N), Đào Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích" và phạm tội "Bắt người trái pháp luật".

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều này) điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Tấn P (N) 03 (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38, điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Tấn P (N) 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc bị cáo Lê Tấn P phải chịu hình phạt chung cho hai tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Nhưng có khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 06 tháng 12 năm 2019 đến ngày 14 tháng 01 năm 2020.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều này) điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38 khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đào Thanh T 03 (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đào Thanh T 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc bị cáo Đào Thanh T phải chịu hình phạt chung cho hai tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Nhưng có khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 06 tháng 12 năm 2019 đến ngày 14 tháng 01 năm 2020.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Tấn P, Đào Thanh T và bị hai Trương Hoài B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện (02);
- VKSND huyện (01);
- Cục THADS huyện (01);
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Nhậm